

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/DS-PT

Ngày: 20/02/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 628/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 104/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh [Lê Trọng H](#), sinh năm 1984.

Địa chỉ: [Số 1, ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp](#).

Người đại diện theo ủy quyền: Chị [Đặng Thị Bích P](#), sinh năm 1993. Địa chỉ: [Số C, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp](#).

- Bị đơn: Anh [Đặng Phước T](#), sinh năm 1974.

Địa chỉ: [Số E, đường H, Khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp](#).

Người đại diện theo ủy quyền của anh [T](#): Chị [Phan Thị Bé T1](#), sinh năm 1985. Địa chỉ: [D lô A, KDC C, Khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp](#).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh [T](#) là luật sư [Lê Thị Vân L](#), Văn phòng [L1](#) thuộc [đoàn luật sư tỉnh Đ](#).

- Người kháng cáo: Anh [Đặng Phước T](#) là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị [Đặng Thi Bích P](#) đại diện nguyên đơn [Lê Trọng H](#) trình bày:

Ngày 24/3/2023, anh [H](#) có nhận bơm cát cho anh [T](#) để anh [T](#) xây dựng công trình. Các bên thỏa thuận giá là 18.000.000 đồng/1 ghe cát, mỗi ghe 100 khối cát. Từ ngày 24/3/2023 đến ngày 10/8/2023, anh [H](#) đã dùng ghe biển số ĐT - 23915 để bơm cho anh [T](#) được 08 ghe cát, nhưng anh [T](#) chỉ trả được cho anh [H](#) số tiền 45.000.000 đồng, còn lại 99.000.000 đồng thì anh [T](#) không trả nữa mặc dù anh [T](#) đã ký tên vào biên nhận ngày 10/8/2023 xác nhận còn nợ anh [H](#) số tiền 99.000.000 đồng (trong biên nhận ghi nhầm thành 98.000.000 đồng).

Việc anh [T](#) dựa vào thông số kích thước của ghe cát để cho rằng anh [H](#) bơm không đủ lượng cát (100 khối/ghe) thì anh [H](#) không đồng ý, bởi vì mỗi lần bơm cát anh [H](#) đều gọi điện và thông báo cho anh [T](#) đến xem ghe cát, khi anh [T](#) thống nhất thì anh [H](#) mới tiến hành bơm, mặt khác sau khi bơm cát vào ngày 10/8/2023 thì anh [T](#) đã ký tên vào biên nhận xác nhận còn nợ anh [H](#) số tiền 99.000.000 đồng, do đó việc anh [T](#) cho rằng anh [H](#) bơm không đủ khối lượng cát để không trả đủ tiền cho anh [H](#) là không đúng.

Quá trình tố tụng, anh [H](#) và anh [T](#) có thống nhất được trọng lượng 01 khối cát là 1,3 tấn.

Nay anh [Lê Trọng H](#) xác định yêu cầu anh [Đặng Phước T](#) trả số tiền bơm cát còn thiếu là 99.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 10/8/2023 đến ngày 16/9/2024 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 21.364.000 đồng.

Bị đơn anh [Đặng Phước T](#) trình bày:

Tháng 3/2023, anh [T](#) có thỏa thuận với anh [H](#) về việc bơm cát, cụ thể: Anh [H](#) tiến hành bơm cát để anh [T](#) xây dựng công trình tại địa chỉ [số A, rạch T, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp](#), không có thỏa thuận số lượng bơm cụ thể, chỉ thỏa thuận là anh [Hữu B](#) cho anh [T](#) mỗi ghe 100 khối cát, giá mỗi ghe là 18.000.000 đồng (tương đương 180.000 đồng/m³), bơm cho đến khi nào đủ khối lượng để anh [T](#) xây dựng thì ngưng. Sau đó, anh [H](#) có tiến hành bơm cát theo thỏa thuận, tuy nhiên chỉ bơm 03 ghe đầu thì anh [T](#) phát hiện khối lượng cát anh [H](#) bơm không đủ theo thỏa thuận mà chỉ đạt khoảng 60 khối nên anh [T](#) có yêu cầu anh [H](#) dừng lại nhưng anh [H](#) không ngừng mà bơm thêm 05 ghe nữa là 08 ghe. Do đó anh [T](#) chỉ trả cho anh [H](#) số tiền 45.000.000 đồng là tiền 03 ghe cát đầu, đối với 05 ghe cát sau thì anh [T](#) yêu cầu anh [H](#) tính lại khối lượng cát cho đúng thì anh [T](#) mới trả đủ tiền, nhưng anh [H](#) không chịu tính lại. Anh [T](#) xác định do khi trả số tiền 45.000.000 đồng cho anh [H](#) không có làm biên nhận nên mới đồng ý ký tên vào tờ biên nhận ngày 10/8/2023 do anh [H](#) viết.

Anh [T](#) thống nhất với anh [H](#) về phương tiện mà anh [H](#) dùng để bơm cát cho anh [T](#) là ghe cát biển số ĐT - 23915, đồng thời giữa anh [H](#) và anh [T](#) cũng thống nhất được trọng lượng 01 khối cát là 1,3 tấn. Tuy nhiên, đối chiếu thông số kích thước của ghe cát biển số ĐT - 23915 thì ghe cát của anh [H](#) chỉ chở được 81,5 tấn/1,3 tấn = 62,3m³ cát nên anh [T](#) không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh [H](#) mà chỉ trả cho anh [H](#) số tiền: 180.000 đồng x 62,3m³ x 8 = 89.712.000 đồng, khấu trừ với số tiền 45.000.000 đồng mà anh [T](#) đã thanh toán thì anh [T](#) chỉ phải tiếp tục trả cho anh [H](#) số tiền 44.712.000 đồng. Không đồng ý với yêu cầu tính lãi của anh [H](#).

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh [H](#).

Anh [Đặng Phước T](#) trả cho anh [H](#) số tiền bơm cát còn nợ là 99.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/12/2023 đến ngày xét xử xong là 7.285.500 đồng. Tổng cộng: 106.285.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án; mà người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh [Đặng Phước T](#) phải chịu 5.314.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh [Lê Trọng H](#) phải chịu 704.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng mà anh [H](#) đã nộp tổng cộng là 2.927.000 đồng theo biên lai số 0003880 ngày 21/12/2023 và biên số 0007778 ngày 16/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, anh [H](#) được nhận lại số tiền 2.223.000 đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh [Lê Trọng H](#) phải chịu toàn bộ chi phí là 600.000 đồng. Anh [H](#) đã nộp và chi xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 01/10/2024, anh [Đặng Phước T](#) kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án và sửa bản án sơ thẩm. Anh yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, anh chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 44.712.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Người đại diện theo ủy quyền của anh [Đặng Phước T](#) vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của anh [T](#) là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh [T](#), ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tiền lãi, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh [Đặng Phước T](#), Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh [H](#) và anh [T](#) trình bày thống nhất là vào tháng 3/2023 giữa hai anh có thỏa thuận về việc mua bán (bơm) cát xây dựng, theo đó anh [H](#) là bên bán, anh [T](#) là bên mua (để xây dựng công trình); giá thỏa thuận là 18.000.000 đồng/ghe cát, mỗi ghe 100m³ cát; và từ ngày 24/3/2023 đến ngày 10/8/2023, anh [H](#) đã dùng ghe biển số ĐT - 23915 để bơm cho anh [T](#) được 08 ghe cát và phía anh [T](#) đã thanh toán được 45.000.000đ; anh [T](#) có ký tên vào biên nhận ngày 10/8/2023 đối với anh [H](#) xác nhận số tiền còn lại chưa thanh toán là 99.000.000đ và đến nay chưa thanh toán tiếp cho anh [H](#), nên nay anh [H](#) khởi kiện yêu cầu anh [T](#) phải thanh toán cho anh số tiền gốc còn lại là 99.000.000đ và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 16/9/2024 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 21.364.000đ. Anh [T](#) không đồng ý vì cho rằng do anh [H](#) bơm cát không đủ khối lượng cát như thỏa thuận, cụ thể là anh [T](#) căn cứ vào thông số kích thước ghe của anh [H](#) (Ghe biển số ĐT – 23915) thì ghe của anh [H](#) chỉ chở được 81,5 tấn/1,3 tấn = 62,3m³ cát, như vậy khối lượng cát anh [H](#) đã bơm được chỉ = 62,3m³ x 8 x 180.000đ/m³ = 89.712.000đ, nên sau khi khấu trừ vào số tiền mà anh đã thanh toán 45.000.000đ thì anh chỉ còn phải thanh toán cho anh [H](#) là 44.712.000đ.

Xét thấy, anh [T](#) không có gì chứng minh số lượng cát mà anh [H](#) đã giao (bơm) như anh tính toán như trên mà chỉ dựa vào thông số kỹ thuật của ghe cát của anh [H](#) để tính khối lượng trên, trong khi thông số này chỉ là thông số được cơ quan chức năng cho phép chuyên chở để đảm bảo an toàn tuyệt đối, chứ không phải là thông số tối đa mà ghe cát có thể chở được (thông thường trên thực tế, các chủ phương tiện sẽ chuyên chở nhiều hơn thông số cho phép đó) và nguyên tắc là anh

T phải thanh toán cho anh H theo khối lượng thực tế đã bơm (giao). Mặt khác, quá trình bơm cát diễn ra trong một thời gian dài, thì nếu ghe anh H chở không đủ khối lượng như thỏa thuận thì anh T có quyền và đã yêu cầu ngừng bơm cát, chấm dứt hợp đồng, thậm chí có quyền nhờ cơ quan có thẩm quyền can thiệp, hòa giải và xử lý, nhưng anh T không có ý kiến gì trong khi đó anh cũng thừa nhận anh có ký tên vào biên nhận ngày 10/8/2023 xác nhận tổng khối lượng cát và số tiền còn lại chưa thanh toán đúng như phía anh H trình bày và yêu cầu. Từ đó cho thấy việc anh T cho rằng anh H bơm không đủ khối lượng để không đồng ý toàn bộ yêu cầu của anh H là không có cơ sở. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, buộc anh T phải thanh toán số tiền nợ gốc bơm cát cho anh H là 99.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với số tiền lãi, anh H yêu cầu tính lãi từ ngày 10/8/2023 đến ngày 10/7/2024 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 18.077.000đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy khi thỏa thuận bơm cát cũng như trong biên nhận ngày 10/8/2023 hai bên không có thỏa thuận về thời hạn phía anh T phải thanh toán, cũng như không có thỏa thuận về việc tính lãi do chậm thanh toán là như thế nào. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của anh H về phần lãi suất, là chỉ tính lãi suất chậm trả từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 21/12/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản 0,83%/tháng = 99.000.000đ x 0,83% x 08 tháng 26 ngày = 7.285.500đ (làm tròn) cũng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 357 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; anh H cũng thống nhất và không có kháng cáo.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh H tự nguyện không yêu cầu tính lãi số tiền nợ gốc 99.000.000 đồng đối với anh T; anh H chỉ yêu cầu phía anh T chỉ phải trả cho anh số tiền nợ gốc 99.000.000 đồng, là 7.285.500 đồng (làm tròn), Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H không yêu cầu phía anh T phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc như trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đồng thời là có lợi cho phía anh T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh H và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc nguyên đơn bơm cát không đủ trọng lượng như nguyên đơn khởi kiện vì ghe cát của anh H chỉ chở được 81,5 tấn/1,3 tấn = 62,3m³ như vậy khối lượng cát anh H đã bơm được chỉ = 62,3m³ x 8 x 180.000đ/m³ = 89.712.000đ, nên sau khi khấu trừ vào số tiền mà anh đã thanh toán 45.000.000đ nên anh T chỉ còn phải thanh toán cho anh H là 44.712.000đ là phù hợp. Xét lời trình bày của luật sư là chưa có căn cứ như phân tích trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh [Đặng Phước T](#) cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh [T](#).

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh [Đặng Phước T](#), ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu phần tiền lãi, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của anh [T](#) nên anh [T](#) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của anh [Đặng Phước T](#).

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh [Lê Trọng H](#) về việc không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc đối với anh [Đặng Phước T](#).

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 104/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh [Lê Trọng H](#).

Buộc anh [Đặng Phước T](#) phải trả cho anh [Lê Trọng H](#) số tiền bơm cát còn nợ là 99.000.000 đồng (Chín mươi chín triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án; mà người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh [Đặng Phước T](#) phải chịu 4.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh [Lê Trọng H](#) phải chịu 704.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng mà anh [H](#) đã nộp tổng cộng là 2.927.000 đồng theo biên lai số 0003880 ngày 21/12/2023 và biên số 0007778 ngày 16/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, anh [H](#) được nhận lại số tiền 2.223.000 đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh [Lê Trọng H](#) phải chịu toàn bộ chi phí là 600.000 đồng (đã nộp và chi xong).

4. Về án phí phúc thẩm:

Anh [Đặng Phước T](#) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007923 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy